

Họ và tên:		Lớp:	
------------	--	------	--

Ôn hệ Toán lớp 1 lên lớp 2 - Đề số 1

Bài 1: a) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

60; ; ; 63; 64; 65; 66; 67; ; 69
 70; 71; ; 73; 74; 75; 76; ; 78;
 80; 81; 82; ; 84; 85; ; ; 88; 89
 90; 91; 92; 93; ; 95; 96; 97; 98; ; .

b) Viết các số:

Ba mươi hai: Bốn mươi tám:

Năm mươi sáu: Bảy mươi tư:

Bảy mươi chín: Tám mươi:

Tám mươi tám: Chín mươi:

Chín mươi chín: Một trăm:

c) Viết các số 63; 72; 29; 43:

- Theo thứ tự từ bé đến lớn: ; ; ;

- Theo thứ tự từ lớn đến bé: ; ; ;

Bài 2: Tính:

a) $15\text{cm} + 30\text{cm} = \text{..... cm}$	b) $18 - 5 + 3 = \text{.....}$
c) $32 + 47 = \text{.....}$ $64 + 25 = \text{.....}$	d) $79 - 63 = \text{.....}$ $85 - 25 = \text{.....}$

Bài 3: Viết tiếp vào chỗ chấm

a) Đồng hồ chỉ .. giờ



b) Các ngày trong tuần:

Thứ 2, ; ; ; ; ;

Bài 4: a) Lớp 1A có 14 học sinh nam và 15 học sinh nữ. Hỏi lớp 1A có tất cả bao nhiêu học sinh?

Phép tính:

Bài giải:

Vậy lớp 1A có tất cả học sinh

b) Bạn Hà có sợi dây dài 85cm, bạn Hà cắt cho bạn Nam 25cm. Hỏi sợi dây của bạn Hà còn lại bao nhiêu xăng-ti-mét?

Phép tính:

Bài giải:

Vậy sợi dây của Hà còn lại cm

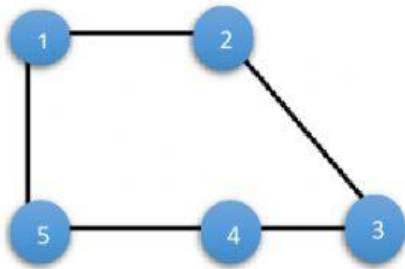
Bài 5: >, <, =?

$76 - 42$ $30 + 8$

$47 - 51$ $81 + 12$

$36 + 12$ $15 + 33$

Bài 7: Nối để được một hình vuông và một hình tam giác.



Bài 6: Đặt tính rồi tính:

6 + 22	87 - 84	14 + 14	55 - 35	11 - 8
+ 	- 	+ 	- 	-

Bài 7: Viết các số 84, 15, 6, 12, 48, 80, 55 theo thứ tự:

a. Từ bé đến lớn: ; ; ; ; ; ;

b. Từ lớn đến bé: ; ; ; ; ; ;

Bài 8: Lớp em có 38 bạn, trong đó có 2 chục bạn nữ. Hỏi lớp em có bao nhiêu bạn nam?

Phép tính:

Bài giải:

Vậy lớp em có bạn nam.

Bài 9: Viết các số từ 57 đến 61:

; ; ; ;

Bài 10: Số?

$$25 - \boxed{} = 20$$

$$\boxed{} + 13 = 15$$